

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2018
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2018**

Tháng 10 năm 2018

MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8-9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-33

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Vũ Huy Đức	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Huy Đông	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác..

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài

chính.
 Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,247,787,453,774	1,077,785,560,221
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30,265,327,900	162,052,534,013
1. Tiền	111		28,250,237,489	162,052,534,013
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,015,090,411	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		309,893,481,426	256,828,050,814
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		309,893,481,426	256,828,050,814
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		451,018,614,253	358,400,402,715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		183,907,471,830	170,710,756,818
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		115,688,637,795	41,552,482,756
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		63,171,293,683	57,973,793,683
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		97,173,589,242	96,210,253,529
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-8,922,378,297	-8,046,884,071
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		438,013,692,723	286,877,766,588
1. Hàng tồn kho	141		438,013,692,723	286,877,766,588
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,596,337,472	13,626,806,091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			79,125,657
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17,287,747,268	11,908,462,401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,308,590,204	1,639,218,033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		348,927,974,608	263,355,587,189
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			3,606,902,550
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			3,606,902,550
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		167,087,180,375	189,632,145,025
1. Tài sản cố định hữu hình	221		165,860,064,974	164,742,630,697
- Nguyên giá	222		444,137,289,053	411,789,843,660
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-278,277,224,079	-247,047,212,963
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			23,590,199,913
- Nguyên giá	225			35,385,299,873
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-11,795,099,960

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

3. Tài sản cố định vô hình	227		1,227,115,401	1,299,314,415
- Nguyên giá	228		2,285,306,375	2,285,306,375
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-1,058,190,974	-985,991,960
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,315,539,228	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,315,539,228	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		171,575,000,000	60,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		140,000,000,000	60,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31,575,000,000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,950,255,005	10,116,539,614
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8,811,513,218	9,977,797,827
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		138,741,787	138,741,787
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,596,715,428,382	1,341,141,147,410
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,224,399,082,428	948,991,807,154
I. Nợ ngắn hạn	310		1,217,590,067,508	898,910,469,253
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		137,934,710,761	100,411,256,472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		95,488,078,545	6,618,874,149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3,199,266,000	4,540,541,436
4. Phải trả người lao động	314		3,032,741,837	3,516,826,809
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		457,996,140	380,957,980
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		167,699,947	373,054,674
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		302,372,527,029	211,392,558,299
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		670,933,792,933	568,930,320,334
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,003,254,316	2,746,079,100
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		6,809,014,920	50,081,337,901
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		6,809,014,920	50,081,337,901
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

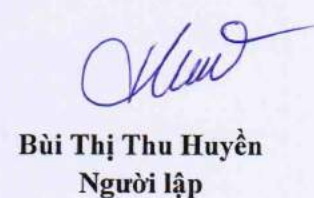
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	372,316,345,954	392,149,340,256
I. Vốn chủ sở hữu	410	372,316,345,954	392,149,340,256
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	255,178,010,000	255,178,010,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	60,283,587,273	60,283,587,273
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	2,294,024,276	2,294,024,276
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	8,659,155,594	6,773,392,770
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	45,901,568,811	67,620,325,937
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	13,441,785,897	13,547,954,395
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	32,459,782,914	54,072,371,542
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1,596,715,428,382	1,341,141,147,410



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2018


Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng


Bùi Thị Thu Huyền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Lũy kế năm 2018	Lũy kế năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		522,044,827,319	541,888,900,797	1,486,095,627,496	1,334,456,675,775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	289,607,991	732,509,861
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 11 - 2)	10		522,044,827,319	541,888,900,797	1,485,806,019,505	1,333,724,165,914
4. Giá vốn hàng bán	11		505,899,955,508	510,548,136,859	1,423,564,198,659	1,271,205,491,287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16,144,871,811	31,340,763,938	62,241,820,846	62,518,674,627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7,603,241,219	4,413,509,958	33,837,653,816	27,176,258,316
7. Chi phí tài chính	22		14,570,532,286	7,770,489,365	38,170,870,225	20,449,802,173
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,766,539,067	7,770,489,365	23,428,691,208	16,910,506,636
8. Chi phí bán hàng	25		3,079,419,623	3,191,865,156	7,813,731,910	9,077,673,235
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5,217,457,498	4,069,302,434	20,040,537,644	14,147,980,815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 6 - 7 - 8 - 9)	30		880,703,623	20,722,616,941	30,054,334,883	46,019,476,720
11. Thu nhập khác	31		6,248,406,013	432,832,430	6,827,742,984	506,687,198
12. Chi phí khác	32		51,767,633	201,328,803	659,903,603	1,810,956,689
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6,196,638,380	231,503,627	6,167,839,381	-1,304,269,491
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,077,342,003	20,954,120,568	36,222,174,264	44,715,207,229
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		951,618,300	3,143,020,201	3,762,391,350	4,716,015,459
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 15 - 16)	60		6,125,723,703	17,811,100,367	32,459,782,914	39,999,191,770
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	70		0	0	0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Huyền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		36,222,174,264	44,715,207,229
2. Điều chỉnh cho các khoản			0	0
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		25,508,225,260	25,861,924,280
- Các khoản dự phòng	3		875,494,226	165,089,642
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		12,578,249,765	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(24,244,442,846)	(27,682,945,514)
- Chi phí lãi vay	6		23,428,691,208	16,910,506,636
- Các khoản điều chỉnh khác	7		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		74,368,391,877	59,969,782,273
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(101,091,199,717)	(41,819,112,063)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46,903,357,858)	(111,955,087,417)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		57,436,453,826	156,514,517,847
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,166,284,609	(579,352,930)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23,428,691,208)	(16,910,506,636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4,065,763,073)	(4,125,181,500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42,517,881,544)	41,095,059,574
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,770,503,338)	(20,483,206,688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6,248,406,013	557,355,918
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130,252,434,551)	(16,201,010,121)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		41,375,603,733	18,125,415,142
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(111,575,000,000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23,000,428,666	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(173,973,499,477)	(18,001,445,749)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,730,420,597,875	1,186,451,771,523
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,593,568,799,133)	(1,203,230,660,913)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,144,218,184)	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50,003,405,650)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		84,704,174,908	(16,778,889,390)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(131,787,206,113)	6,314,724,435
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		162,052,534,013	9,215,259,570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		30,265,327,900	15,529,984,005



Vũ Huy Đông
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 10 năm 2018

Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Huyền
 Người lập

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Theo báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 21/12/2017, vốn điều lệ của Công ty là 255.178.010.000 (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười nghìn đồng./.), tổng số cổ phần là 25.517.801 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đang thực hiện thay đổi lại đăng ký kinh doanh theo đúng phần vốn góp tại Công ty

Vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (6 tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là ADS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 là 654 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 641 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng đối với hoạt động sản xuất sợi, vải dệt thoi, bán buôn sợi dệt, bông, trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng các công trình dân dụng như nhà ở xã hội, chung cư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 30 tháng 09 năm 2018, cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Damsan bao gồm:

Công ty con	Địa chỉ:
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	Khu công nghiệp Gia Lễ - Xã Đông Mỹ, Thành Phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06- 20 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh

Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018

Đến ngày 30/09/2018

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy Damsan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy Damsan II được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 10%. Năm 2017 là năm thứ 10 Công ty có lãi từ dự án nhà máy Damsan I và là năm thứ 7 công ty có lãi từ dự án nhà máy Damsan II.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh

Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018

Đến ngày 30/09/2018

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4,448,873,917	155,029,789
Tiền gửi ngân hàng	23,801,363,572	12,590,467,143
Các khoản tương đương tiền (i)	2,015,090,411	1,215,090,411
Cộng	30,265,327,900	13,960,587,343

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	309,893,481,426	342,407,381,182
Cộng	309,893,481,426	342,407,381,182

Chi tiết

	30/09/2018	01/07/2018
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội (a)	29,795,530,200	29,795,530,200
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình (b)	62,025,314,964	61,861,635,148
Ngân hàng TMCP Công thương CN Thái Bình (c)	32,850,000,000	32,850,000,000
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội (d)	24,097,317,679	24,097,317,679
Ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Hà Nội (e)	20,200,000,000	20,200,000,000
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình (f)	58,228,771,856	56,998,534,428
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình (g)	40,942,880,016	40,942,880,016
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình (h)	7,351,344,966	1,259,161,966
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình (i)	1,212,321,745	1,212,321,745
Cty Tài chính TNHH MTV ngân hàng VN Thịnh Vượng (j)	28,690,000,000	73,190,000,000
Đối tượng khác	4,500,000,000	-

a, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô, Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6.5 % /năm đến 6,8 %/năm.

b, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.5 %/năm đến 6.7%/năm

c, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.5 % đến 6.8%/năm

d, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 7 %/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn, có lãi suất 7.5 %/năm đến 7,55 %/năm

e, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7%/năm. Kỳ hạn 13 tháng lãi suất là 7.4%

f, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.5 %/năm đến 6.7 %/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

g, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,4 %/năm đến 7,5% %/năm.

h, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.2 %/năm.

i, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam, Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 7.1 %/năm.

j, Tiền gửi tiết kiệm tại Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 8.5% đến 9.2%/ năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2018	01/07/2018
Phải thu khách hàng nước ngoài	38,496,253,680	65,825,685,949
Phải thu khách hàng trong nước	40,154,073,316	38,373,667,172
Phải thu khách hàng mua bất động sản	105,257,144,834	159,595,681,825
Cộng	183,907,471,830	263,795,034,946

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Trả trước cho nhà thầu xây lắp	38,152,128,012	28,391,010,148
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	77,536,509,783	15,818,197,998
Nhà cung cấp trong nước	69,524,722,154	5,988,504,568
Nhà cung cấp nước ngoài	8,011,787,629	9,829,693,430
Cộng	115,688,637,795	44,209,208,146

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Phải thu tiền tạm ứng GPMB(*)	57,070,793,233	57,070,793,233
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	6,100,500,450	4,200,500,450
Cộng	63,171,293,683	61,271,293,683

(*) Khoản phải thu tiền tạm ứng GPMB là khoản tiền công ty chuyển cho Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái bình thực hiện GPMB công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại Tổ 39-40 Phường Quang Trung và các dự án đối ứng. Khoản tiền này được nhà nước thanh toán tiền lãi là 10.4%/năm kể từ khi nhà đầu tư ứng tiền tới khi công trình xây dựng hoàn thành bàn giao

6. Phải thu khác

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	0	294,752,631

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

	Phải thu người lao động	-	10,820,435,808
	Ký cược ký quỹ	1,965,814,000	1,965,814,000
	Phải thu khác	95,207,775,242	82,860,511,640
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Lãi tiền gửi ngân hàng	14,672,575,819	13,985,529,331
	+ Khoản phải thu phát sinh từ hợp đồng BT với UBND TP Thái Bình:	66,814,244,263	66,814,244,263
	+ Phải thu khác	15,686,769,160	1,428,531,046
	Cộng	97,173,589,242	95,941,514,079
7.	Nợ xấu		
		30/09/2018	01/07/2018
		VND	VND
	Dự phòng phải thu khách hàng	8,922,378,297	8,922,378,297
8.	Hàng tồn kho		
		30/09/2018	01/07/2018
		VND	VND
	Hàng mua đang đi đường	0	
	Nguyên liệu, vật liệu	196,755,177,409	183,630,467,645
	Công cụ, dụng cụ	8,399,175,618	6,640,454,043
	Chi phí SXKD dở dang	178,671,575,810	174,904,064,323
	<i>Dở dang các dự án xây dựng</i>	<i>157,262,163,386</i>	<i>153,449,462,169</i>
	<i>Sản phẩm dở dang</i>	<i>29,432,750,824</i>	<i>21,454,602,154</i>
	Thành phẩm	25,520,239,197	17,831,791,986
	Hàng hóa	20,534,980,410	2,371,425,341
	Hàng gửi đi bán	109,205,879	109,205,879
	Cộng giá gốc	438,013,692,723	385,487,409,217
9.	Phải thu dài hạn khác		
		30/09/2018	01/07/2018
		VND	VND
	Cầm cố, ký cược dài hạn	0	0
	Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

9. Tài sản cố định hữu hình**Tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/07/2018	83,118,509,585	354,826,261,013	11,151,812,279	516,470,637	449,613,053,514
Mua trong năm		269,099,000			269,099,000
Đầu tư XD/CB hoàn thành					-
Phân loại lại					-
Mua sắm trong năm		(5,744,863,461)			(5,744,863,461)
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác					-
Tại ngày 30/09/2018	83,118,509,585	349,350,496,552	11,151,812,279	516,470,637	444,137,289,053
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/07/2018	29,332,493,313	242,150,343,090	3,899,497,518	472,874,142	275,855,208,063
Khấu hao trong kỳ	805,421,237	7,127,879,063	134,393,980	12,417,564	8,080,111,844.00
Tăng khác					-
Chuyển sang bất động sản đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán		(5,658,095,828)			(5,658,095,828)
Giảm khác (*)					-
Tại ngày 30/09/2018	30,137,914,550	243,620,126,325	4,033,891,498	485,291,706	278,277,224,079
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/07/2018	53,786,016,272	112,675,917,923	7,252,314,761	43,596,495	173,757,845,451
Tại ngày 30/09/2018	52,980,595,035	105,730,370,227	7,117,920,781	31,178,931	165,860,064,974

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 106.918.465.201 đồng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 181.097.052.418 đồng.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/07/2018	35,385,299,873	35,385,299,873
Tại ngày 30/09/2018	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/07/2018	11,795,099,960	11,795,099,960
Khấu hao trong kỳ	-11,795,099,960	-11,795,099,960
Tại ngày 30/09/2018	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/07/2018	23,590,199,913	23,590,199,913
Tại ngày 30/09/2018	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/07/2018	1,925,306,375	360,000,000	2,285,306,375
Tại ngày 30/09/2018	1,925,306,375	360,000,000	2,285,306,375
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/07/2018	674,124,644	360,000,000	1,034,124,644
Khấu hao trong kỳ	24,066,354	-	24,066,354
Tại ngày 30/09/2018	698,190,998	360,000,000	1,058,190,998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/07/2018	1,251,181,731	-	1,251,181,731
Tại ngày 30/09/2018	1,227,115,377	-	1,227,115,377

13. Đầu tư tài chính dài hạn

13.1 Đầu tư vào công ty con

	01/07/2018		30/09/2018	
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (triệu đồng)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (Triệu đồng)
Công ty cổ phần				
Sợi EIFFEL	14,000,000	14,000,000	14,000,000	140,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2018	01/07/2018
Trả trước cho hoạt động xây lắp	8,011,787,629	7,747,167,855
Trả trước cho hoạt động kinh doanh	87,476,290,916	99,707,947,558
Cộng	95,488,078,545	107,455,115,413

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/07/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN	3,263,734,176	1,009,800,000	1,074,268,176	3,199,266,000
Thuế GTGT phải nộp	-	-	-	-
Cộng	3,263,734,176	1,009,800,000	1,074,268,176	3,199,266,000

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	457,996,140	457,996,140
Cộng	457,996,140	457,996,140

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
+ Kinh phí công đoàn	196,176,118	
+ Bảo hiểm xã hội	275,888,760	135,284,048
+ Bảo hiểm y tế	171,401,027	60,452,502
+ Bảo hiểm thất nghiệp	76,468,344	
+ Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	301,652,592,780	328,817,473,329
- Khoản đặt cọc mua nhà DA Phú Xuân	191,512,582,000	213,189,834,979
- Quyền sử dụng đất phải trả DA Phú xuân*	107,922,000,000	107,922,000,000
- Các khoản khác	2,218,010,780	7,705,638,350
Cộng	302,372,527,029	329,013,209,879

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**a. Vay ngắn hạn bằng đồng VND**

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội (a)	118,515,945,921	77,830,167,735
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình (b)	57,007,697,422	17,113,755,120
Ngân hàng TNHH INDOVINA (c)		
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình (e)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình (f)		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Hải phòng (g)	77,938,603,851	17,511,938,534
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội		
Cộng	253,462,247,194	112,455,861,389
b. Vay ngắn hạn bằng đồng USD		
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội (a)	76,873,360,000	71,421,840,000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình (b)	17,344,641,444	57,741,459,080
Ngân hàng TNHH INDOVINA (c)	69,374,893,825	100,605,345,000
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội (d)	23,796,735,000	23,753,835,000
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình (e)	78,832,869,307	83,169,530,946
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình (f)	63,784,810,000	101,178,000,000
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Hải phòng (g)		78,849,855,000
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Thái Bình (h)	34,621,899,476	
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình (i)	31,524,506,399	18,197,452,275
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long (l)	11,220,960,000	
Cộng	407,374,675,451	534,917,317,301
c. Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 01 năm		
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội	5,865,422,272	5,865,422,272
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình	4,231,448,016	4,231,448,016
Công ty TNHH CHO thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Đầu tư PTVN - CN Thái Bình		
Cộng	10,096,870,288	10,096,870,288
Tổng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	670,933,792,933	657,470,048,978

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay khi đến hạn thanh toán.

{a} - Khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh Tây đô theo HĐTD hạn mức số 1462-LAV-201800750 ngày 11/09/2018, hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ đồng). Bao gồm: Vay ngắn hạn, số dư bảo lãnh, số dư phát hành thư tín dụng LC. Tài sản bảo đảm là toàn bộ công trình nhà máy sợi Damsan II được xây dựng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 356643 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 11 tháng 05 năm 2012, số vào sổ cấp GCN "CT"0001281; 02 tài sản là toàn bộ thiết bị máy móc và các Hợp đồng tiền gửi của Công ty trị giá 10.7 tỷ.

{b}:-Khoản vay theo HĐ tín dụng số 01/2018/2127123/HĐTD ngày 04/09/2018 với BIDV - Thái Bình. Hạn mức là 90 tỷ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, chiết khấu, mở LC. Thời hạn hợp đồng kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2018 đến ngày 03 tháng 09 năm 2019. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, mở LC, dư Chiết khấu BCT được chuyển tiếp từ các HĐTD cụ thể theo HĐTD số 01/2017/2127123/HĐTD ngày 25 tháng 08 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

{c}: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2150/IVB-HĐHM/2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017 với Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ chẵn), mục đích vay là tài trợ vốn lưu động, mở thư tín dụng, phát hành bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018; thời hạn vay không quá 6 tháng. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và tùy thuộc vào thị trường tiền tệ. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2152/IVB-HĐTC/2016 ngày 26/10/2016; hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/HĐTC quyền số 01/VPCC-HĐTC ký ngày 25/02/2014

{d} - Khoản vay theo HĐTD số 5728/18/MB/HĐTD ngày 01/09/2018 giữa Công ty và Ngân hàng HDBank. Hạn mức 50 tỷ (năm mươi tỷ đồng chẵn) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2018, thời hạn nhận nợ 04 tháng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là tiền gửi ký quỹ, tiền gửi tại ngân hàng, các lô hàng nhập khẩu là Bông được ngân hàng phát hành L/C thanh toán, bộ chứng từ giao hàng xuất khẩu theo L/C

{e} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 27876.17.755.1155640.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng). Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2017. Thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS 17A 05878, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, đối với mở L/C là tiền ký quỹ 5%, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%.

{f}: Khoản vay theo HĐ tín dụng số 10/2017/HĐHM/PVB-CNTB ngày 11/09/2017 với ngân hàng PVCombank. Hạn mức 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn), mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ HĐSXKD, phát hành LC, ngoại trừ kinh doanh BĐS. Thời hạn từ ngày 11/09/2017, thời hạn vay từng lần không quá 5 tháng. Lãi suất theo từng lần giải ngân. Tài sản là sổ tiết kiệm có giá trị tối thiểu 40 tỷ đồng và các nguồn thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

{g}: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 483.HDTD2.009.17 ngày 04 tháng 10 năm 2017 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn), trong đó cho vay ngắn hạn là 70.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn bông. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2017. Lãi suất theo hình thức cho vay ngắn hạn thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật; đối với các khoản chiết khấu áp dụng theo quy định lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo bao gồm: hàng tồn kho bông, sợi, khăn bông, sản phẩm dở dang (tại kho Damsan II - KCN Gia Lễ Thái Bình); hàng hóa hình thành trong tương lai (từ L/C nhập khẩu trực tiếp qua VIB) là bông nguyên liệu; quyền tài sản - chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu; quyền phải thu/ quyền đòi nợ từ hợp đồng xuất khẩu kèm L/C phát hành của người mua hàng với điều kiện tài khoản thanh toán mở tại VIB; cổ phần của chủ sở hữu công ty là ông Vũ Huy Đông.

{h}: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 296/2018/HDHM-PN/SHB.112600 ngày 20/07/2018 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Thái Bình. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng chẵn). Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn các loại..., phát hành LC, chiết khấu. Thời hạn hợp đồng 12 tháng kể từ ngày 20/07/2018 đến ngày 20/07/2019. Tài sản bảo đảm bao gồm: Cổ phiếu của các thành viên góp vốn, sổ tiết kiệm có kỳ hạn, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, Giấy tờ có giá do SHB phát hành; Hàng hóa (Bông, sợi, khăn các loại...) hình thành từ vốn vay hoặc có sẵn trong kho, Quyền đòi nợ từ Hợp đồng xuất khẩu theo phương thức LC; Các TSBD bổ sung khác thuộc sở hữu của Công ty, thành viên góp vốn và của bên thứ 3 được SHB chấp thuận.

{i}: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 166/2017-HĐCVHM ngày 29/09/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 29/09/2017 đến ngày 15/09/2018. Mục đích vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 70%.

Kèm theo văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 166/2018-HĐCV-SĐBSLAN/NHCT360-DAMSAN ngày 17/09/2018 về việc gia hạn hợp đồng tín dụng từ ngày 29/09/2017 đến hết ngày 15/10/2018.

{l}: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTDHM ngày 24/05/2018. Tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng chẵn) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 24/05/2018. Mục đích vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sợi, Phát hành LC nhập khẩu bông và các nguyên liệu phục vụ sản xuất sợi, Chiết khấu phục vụ hoạt động SXKD của bên vay. Lãi suất cụ thể đối với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Tài sản bảo đảm là tiền gửi tại OCB. Tại mọi thời điểm dư nợ được đảm bảo bằng tiền gửi tại OCB chiếm tỷ trọng tối thiểu 40%/tổng dư nợ của bên vay tại OCB.

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
a. Vay dài hạn bằng tiền USD	6,809,014,920	
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội (a)		
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình (b)	6,809,014,920	7,677,920,660

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay khi đến hạn thanh toán.

{b}: Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức 53 tỷ đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho "Dự án ĐTXD nhà máy dệt khăn cao cấp" Thời hạn vay mỗi khoản tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác hình thành từ vốn tự có để hoàn thiện dự án trên.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
<i>Trong vòng một năm</i>	<i>6,809,014,920</i>	<i>7,677,920,660</i>
<i>Từ năm thứ hai đến năm thứ 5</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	6,809,014,920	7,677,920,660

21. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	5,040,000,000	5,040,000,000
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	1,050,000,000	1,050,000,000
Ông Vũ Huy Đông	42,732,900,000	32,732,900,000
Ông Đỗ Văn Khôi	9,450,000,000	9,450,000,000
Ông Nguyễn Lê Hùng	9,530,000,000	9,530,000,000
Các cổ đông khác	187,375,110,000	95,431,910,000
Cộng	255,178,010,000	168,734,810,000

b. Cổ phiếu

	30/09/2018	01/07/2018
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25,517,801	16,873,481

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
 Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

- Cổ phiếu phổ thông	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu phổ thông	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	522,044,827,319	541,888,900,797

Trong đó		
+ Doanh thu bán hàng:	520,979,576,762	541,461,006,953
- Bán thành phẩm sản xuất	516,375,903,236	409,639,524,345
- Bán nhà ở xã hội	2,794,685,798	90,370,631,607
- Bán nhà ở thương mại	1,808,987,728	41,450,851,001
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,065,250,557	427,893,844
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	522,044,827,319	541,888,900,797
Doanh thu với các bên liên quan		
	Từ 01/07/2018 đến	Từ 01/07/2017 đến
	30/09/2018	30/09/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	127,860,451,457	47,113,437,727
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	88,126,718,250	77,782,980,775
Cộng	215,987,169,707	124,896,418,502

2. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/07/2018 đến	Từ 01/07/2017 đến
	30/09/2018	30/09/2017
	VND	VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	500,865,637,946	404,246,042,341
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	798,937,918	389,843,343
- Giá trị còn lại của tài sản và bất động sản đầu tư đã bán	4,235,379,644	108,492,095,606
Cộng	505,899,955,508	513,127,981,290

3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/07/2018 đến	Từ 01/07/2017 đến
	30/09/2018	30/09/2017
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,603,241,219	4,662,925,458
Cộng	7,603,241,219	4,662,925,458

4. Chi phí tài chính		
	Từ 01/07/2018 đến	Từ 01/07/2017 đến
	30/09/2018	30/09/2017
	VND	VND
- Lãi tiền vay	7,766,539,067	7,770,489,365
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6,803,993,219	
Cộng	14,570,532,286	7,770,489,365

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
 Đến ngày 30/09/2018

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
Chi phí nhân viên	178,128,366	145,855,262
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25,950,000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,858,564,151	3,025,303,469
Chi phí bằng tiền khác	16,777,106	20,706,425
Cộng	3,079,419,623	3,191,865,156

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1,021,110,727	753,198,995
Chi phí đồ dùng văn phòng	158,053,102	119,046,312
Chi phí khấu hao TSCĐ	197,170,800	251,937,305
Thuế, phí và lệ phí	14,266,000	31,701,101
Chi phí bằng tiền khác.	2,815,324,161	1,401,892,930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,011,532,708	1,511,525,791
Cộng	5,217,457,498	4,069,302,434

7. Thu nhập khác

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản	6,248,406,013	
- Thành phẩm thừa sau kiểm kê		-
- Các khoản khác	-	432,832,430
Cộng	6,248,406,013	432,832,430

8. Chi phí khác

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
Các khoản bồi thường, bị phạt	51,767,633	201,328,803
Cộng	51,767,633	201,328,803

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7,019,744,005	20,954,120,568
Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	951,618,300	3,143,020,201

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193,466,859,643	190,382,951,584
Chi phí nhân công	9,388,690,790	7,246,940,323
Chi phí khấu hao	8,094,602,416	7,571,272,554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,148,340,116	23,054,923,672
Chi phí khác bằng tiền	3,236,989,885	3,842,179,747
	238,335,482,850	232,098,267,880

12. Bên liên quan

Trong Quý Công ty có các giao dịch với bên liên quan như sau:

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
Bán hàng		
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	127,860,451,457	47,113,437,727
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	88,126,718,250	77,782,980,775
	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
Mua hàng		
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	143,854,901,466	37,728,431,264
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	136,308,424,417	108,671,228,245

13. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018
Đến ngày 30/09/2018

14. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (IFC). Số liệu so sánh tại ngày 30/09/2017 là số liệu báo cáo do công ty tự lập



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Huyền
Người lập